

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN NGHĨA KÝ

QUYỂN TRUNG

(Phần Đầu)

Chương III. GIẢI THÍCH. Có hai: Kết trước, Sinh sau. Đã nói trong phần lập nghĩa xong, kế là nói phần giải thích.

- Nói về giải thích.

Trong văn giải thích:

Có ba: Nêu số; Kể tên; Nói về tướng.

Nêu số: Giải thích có ba thứ, ba thứ ấy là:

Kể tên: Đầu tiên hiển bày chánh nghĩa, giải thích nghĩa lập pháp Đại thừa.

Kế là chánh lý đã nói, tình hoặc đã mất nên có đối trị tà chấp.

Tà chấp đã mất, kế là nói hướng đến thứ bậc chân chánh, nên có phân biệt đạo tướng phát thú.

Nói về tướng: Giải thích ba tên trên tức là ba mục.

Mục 1. Hiển bày chánh nghĩa.

Mục 2. Đối trị tà chấp.

Mục 3. Phân biệt đạo tướng phát thú.

Mục 1. Trình bày chánh nghĩa:

Có hai:

Đoạn 1. Giải thích chính.

Đoạn 2. Hội tướng về thật.

Đoạn 1. Giải thích chính:

Có hai: Tiểu đoạn 1. Giải thích lập pháp Đại thừa.

Tiểu đoạn 2. Giải thích lập nghĩa Đại thừa.

Tiểu đoạn 1. Giải thích lập pháp Đại thừa.

Có hai:

A1. Chung: Giải thích trong phần lập nghĩa ở trước.

Tâm chúng sinh gồm nhiếp tất cả, v.v...

A2. Riêng: Giải thích nghĩa hai môn phân biệt.

Từ Vì sao?, v.v... trở xuống là nói về phần lập nghĩa ở trên.

A1. Phần chung:

Có ba:

B1. Nương pháp khai môn.

B2. Nêu ra hai môn.

B3. Hai môn bao gồm, thu nhiếp.

B1. Nương pháp khai môn:

Hiển bày chánh nghĩa là nương pháp nhất tâm, có hai môn, hai môn ấy là:

B2. Nêu ra hai môn:

- Tâm chân như môn.

- Tâm sinh diệt môn.

Trong phần đầu nói nhất tâm nghĩa là tâm Như Lai tạng bao gồm hai nghĩa: đứng về nghĩa thể dứt tướng, tức môn Chân như, nghĩa là chẳng nhiễm, chẳng tịnh, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng động, chẳng chuyển, bình đẳng một vị, tánh không khác nhau, chúng sinh tức Niết-bàn, chẳng cần đợi diệt. Phạm phu, Di-lặc đồng một bờ.

Nghĩa sinh diệt tùy duyên: tức môn Sinh diệt, nghĩa là theo huân tập chuyển động thành nhiễm tịnh, nhiễm tịnh tuy thành tánh mà hằng bất động, hằng bất động mà thành nhiễm tịnh, cho nên bất động cũng ở môn động, cho nên, văn sau nói: “Thức có hai nghĩa, nó là bản giác”, là văn trên nói về tự thể trong môn Sinh diệt. Trong kinh Thắng-man nói: “Chẳng nhiễm mà nhiễm, nhiễm mà chẳng nhiễm, v.v,...”. Đây nói theo môn Sinh diệt. Kinh Lăng-già chép: “Như Lai tạng tên thức A-lại-da cùng chung bảy thức vô minh. Như sóng trên biển lớn thường không dứt”. Lại nói: “Như Lai tạng là ác tập luống dối huân từ vô thủy, nên gọi là thức tàng”. Lại nói: “Như Lai tạng là nhân thiện, bất thiện chịu khổ vui, hoặc sinh hoặc diệt chung với nhân. Giống như cô đào hát làm các thứ kỹ nhạc”. Rộng như hai bộ kinh Lăng-già nói, đều nói theo môn Sinh diệt.

Nhưng, hai môn này toàn thể dung thông, giới hạn bờ mé không chia thể tướng đâu có hai, vì văn hỏi tên gọi nên nói là “nhất tâm có hai môn, v.v...”.

B3. Hai môn bao gồm thu nhiếp:

- Ban đầu lập.

- Kế giải thích.

Hai môn này mỗi môn đều gồm nhiếp tất cả pháp.

Nói: Mỗi môn đều nhiếp tất cả pháp là trong phần lập nghĩa ở trước, nói thẳng là Nhiếp. Nay trong phần giải thích nói: “Mỗi môn đều

nhiệp”, vì môn chân như là tướng chung cả nhiễm tịnh, ngoài tướng chung không có nhiễm tịnh riêng nên được nhiếp chung. Như hạt bụi là tướng chung, là: ngôi, bình v.v... ngoài tướng chung không có ngôi, bình riêng. Ngôi, bình là chỗ nhiếp của hạt bụi. Nên biết môn Chân như cũng giống như vậy, y theo đây rất dễ hiểu. Môn Sinh diệt là tướng riêng của nhiễm tịnh, pháp của tướng riêng là thuộc về Sinh diệt. Lại, đây là chân như hoà hợp với duyên biến thành các pháp, các pháp đã không có tự thể riêng, trở lại thuộc môn Chân như. Vì ngôi, bình v.v... thuộc về hạt bụi, v.v... Hai môn này cùng nhiếp không hai, nên nói là “nhất tâm”.

Hỏi: Hai môn đã thu nhiếp lẫn nhau, vì sao vẫn trên trong môn chân như chỉ bày thể Đại thừa, chẳng hiển bày tướng, dụng. Trong khi môn Sinh diệt trình bày đủ ba đại?

Đáp: Chân như là môn dứt tướng, hiển bày chân thật, chẳng hoại tướng mà trừ dẹp, được xếp vào môn Sinh diệt, dẹp tướng mà chẳng còn, chỉ bày thể. Sinh diệt là môn nương lý thành sự, chẳng hoại lý mà thành sự, được nhiếp vào môn Chân như, thành sự mà lý chẳng mất, chỉ bày đủ ba đại.

Hỏi: Trước đã dẹp tướng, tướng không còn, chỉ hiển bày thể, cũng có thể nương cả lý mà lý chẳng còn, nên chỉ bày tướng dụng?

Đáp: Không có việc đó. Vì sao? Vì Sinh diệt khởi phải nhờ chân như, nương lý, lý chẳng mất, chân như chưa nhờ sinh diệt, mất tướng chẳng còn. Vì mất tướng chẳng còn nên chỉ bày thể, vì lý chẳng mất nên chỉ bày đủ ba đại. Cho nên nhiếp nghĩa thì đồng mà chỉ bày nghĩa thì khác. Ở sau gạn trách giải thích thành.

Nghĩa này thế nào?.

Trách rằng: Nếu hai môn khác nhau thì chẳng thể theo nhau, nếu vốn chỉ một nhất tâm thì không là thuộc về?

Do hai môn chẳng lìa nhau.

Trong phần đáp nói: “Chẳng lìa nhau” là do thể tướng không lìa nhau. Như vàng và các đồ trang sức, nếu do vàng thâu nhiếp các đồ trang sức thì đồ trang sức không có mất, lấy đồ trang sức xếp vào vàng thì vàng đều hết. Bởi vì hai môn một con đường toàn thể thâu khắp. Nghĩa này cũng như vậy, suy nghĩ sẽ thấy.

A2. Giải thích riêng:

Có hai:

B1. Nói riêng hai môn: Là trình bày động tĩnh chẳng phải một.

B2. Nói về hội tướng vào thật, trình bày động tĩnh chẳng khác.

Từ môn Sinh diệt vào môn Chân như v.v... trở xuống,

B1. Giải thích hai môn:

Có hai:

C1. Môn Chân như.

C2. Môn Sinh diệt

C1. Môn Chân như.

Có hai:

D1. Nêu.

D2. Giải thích.

Có hai:

- Giải thích nghĩa chân như trong phần lập nghĩa ở trên.

Thế Như lia ngôn ngữ để rõ cảnh trí.

- Giải thích tướng chân như trong phần lập nghĩa ở trên.

Lại nữa chân như v.v... trở xuống, Nương ngôn ngữ nói về đức để làm sáng tỏ cảnh sinh tín.

D1. Nêu:

Có hai:

E1. Nêu chung pháp thể.

E2. Hỏi đáp giải thích nghi ngờ.

E1. Nêu chung về pháp thể.

Có hai:

G1. Trình bày thể như.

G2. Hội chấp giải thích tên do tất cả lời nói, v.v... trở xuống

G1. Trình bày thể như:

Có ba:

H1. Đứng về mặt thật để lược nêu.

H2. Hội vọng hiển chân. “Tất cả pháp v.v...” trở xuống.

H3. Tổng kết chân lia vọng. “Cho nên v.v...” trở xuống.

H1. Đứng về mặt thật để lược nêu:

Tâm chân như tức là thể nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn. Tức chân tâm không hai là nhất pháp giới, ở đây chẳng phải một trong phép tính toán. Nghĩa là như lý rỗng rang dung nhiếp bình đẳng không hai gọi là Một. Lại đối ở sau nương ngôn ngữ có hai nghĩa. Nay đứng về thể chỉ nói một. Nương đó sinh thánh pháp, nên nói “pháp giới”. Luận nói Trung Biên: “Pháp giới là nhân, Thánh pháp làm nghĩa nên nói pháp giới. Thánh pháp nương cảnh này sinh, trong đây nghĩa nhân là nghĩa giới”. Nói “Đại tổng tướng” trong hai môn chẳng lấy môn biệt tướng, trong đó chỉ lấy Tổng tướng. Tuy nhiên cũng thấu nhiếp tất cả biệt, nên nói là “Đại”. Nhất pháp giới này toàn thể tạo ra tất cả môn

Sinh diệt, toàn thể tạo môn chân như, vì hiển bày nghĩa này nên nói thể. Phép tắc làm cho chúng sinh hiểu gọi là Pháp, Thánh trí thông suốt gọi là Môn.

Nghĩa là, tâm tánh chẳng sinh diệt. là giải thích pháp thể ở trên, nghĩa là theo vọng chẳng sinh, theo đối trị chẳng diệt, lại khởi tu chẳng sinh, chỗ nhiệm chẳng diệt. Nên Nhiếp Luận chép: “Thế gian chẳng phá hoại, xuất thế gian chẳng cùng tận”.

H2. Hội vọng bày chân:

Có hai câu:

Tất cả các pháp chỉ nương vọng niệm mà có khác nhau, nếu lìa tâm niệm thì không có tất cả tướng cảnh giới.

Có người chấp: Hiện thấy các pháp khác nhau thay đổi, vì sao nói tánh không sinh diệt?

Giải thích: Tướng khác nhau là biến kế vọng tình của ông tạo tác, xưa nay không thật, như nương theo mắt nhắm thấy hoa đốm lăng xăng trong hư không. Nên nói “Đều nương theo vọng niệm mà có khác nhau”.

Người nghi nói: Do đâu biết được y theo vọng niệm sinh?

Giải thích: Do các bậc thánh lìa bỏ các vọng niệm, đã không có cảnh này thì xét thấy cảnh này chắc chắn từ vọng sinh. Lại, nếu cảnh này chẳng do vọng tạo tác quyết định thật có mà bậc thánh không thấy, lẽ ra là mê mờ điên đảo. Phạm phu đã thấy lẽ ra giác ngộ, như không thấy hoa đốm giữa hư không, nên là mắt nhắm, ngược lại tổng kết y theo đây, nên nói “nếu lìa niệm thì không, v.v...”

H3. Tổng kết:

Có tám câu.

Cho nên, tất cả pháp từ xưa đến nay lìa tướng nói năng, lìa tướng tên gọi, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không thay đổi, không thể phá hoại, chỉ là nhất tâm nên gọi Chân như.

- Cho nên là chỗ chấp vốn không, chân tâm không động, do đây tất cả các pháp đều tức là chân như.

- Lìa tướng nói năng là chẳng ở trong lời nói, âm thanh.

- Lìa tướng tên gọi là chẳng ở trong văn cú, nói năng mà biểu hiện được.

Hai câu này dường ngôn ngữ dứt, chẳng phải cảnh văn tuệ.

- Lìa tướng tâm duyên là chẳng phải ý nghĩ lời nói phân biệt được, là chỗ tâm hành diệt, chẳng phải cảnh tư tuệ.

Từ trên đến đây lìa luồng đối nên nói là “chân”. Từ đây trở xuống

lià tướng khác nên nói “Như”. Lại ba câu sau lần lượt giải thích tướng.

- Lià thế gian là cảnh tu tuệ, do chánh trí tương ứng.

- Rốt ráo bình đẳng là tuy gồm cả nhiễm tịnh mà tánh thường không hai. Sở dĩ được không hai, là do lúc ở duyên trước sau không đổi, nên nói không có đối khác. Sở dĩ ở trong hữu vi được chẳng đối khác là do chẳng đồng hữu vi để phá hoại. Đây là ở nhiễm không phá, đạo đối trị chẳng hoại.

Chỉ là nhất tâm là kết luận trở về pháp thể, nên nói Chân như là nương theo nghĩa lập tên.

G2. Hội chấp giải thích tên:

Có hai.

H1. Giải thích.

H2. Kết luận.

H1. Giải thích

Có ba:

I1. Chính hội đối trị chấp.

I2. Y theo tên để giải thích nghi, tốt nói năng, v.v... trở xuống.

I3. Y theo tướng để giải thích đẹp, thể chân như này v.v... trở xuống.

I 1. Chính hội đối trị chấp:

Do tất cả lời nói giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm không thật có, nên nói chân như cũng không có tướng.

Nói do tất cả lời nói giả danh không thật là nói ngôn giáo chẳng thật, không nên chấp ngôn ngữ.

Chỉ theo vọng niệm v.v... là giải thích nguyên do thành không thật. Sợ các phàm phu nghe nói tên chân như ở trên thì cho rằng luận chủ tự nói trái nhau. Văn trên đã nói “lià tướng danh tự”. Vì sao lại đặt tên chân như này, cho nên nay giải thích, dẹp bỏ giả danh chẳng thật thì không trái nhau.

Nói không có tướng là dẹp bỏ tướng, bởi tên nương vào tướng mà lập, đều là chỗ duyên của biến kế. Kinh Lăng-già nói: “Danh tướng thường theo nhau mà sinh các vọng tướng”, nên nay cả hai đều dẹp.

I 2. Y theo tên để giải thích nghi ngờ:

Có Hai câu:

- Lập phần hạn của tên.

- Lập ý của tên.

Nghĩa là tốt cùng lời nói là dùng lời dẹp lời.

Ban đầu nghi: Đã dứt danh tướng chỉ giả lập tên khách, vì sao

chẳng lập tên khác mà chỉ nói Chân như?

Giải thích: Chân như là tột cùng của lời nói, nghĩa là sau tên này không còn tên, nên trong các tên là bờ mé rốt cùng. Mười tên trong Nhiếp luận, tên Chân như là tên rốt ráo thứ mười, nên nói tột cùng.

“Dùng lời dẹp lời” là đặt tên tột cùng này vì dẹp tên, nếu không có tên này thì không do đâu dẹp tên, nếu còn tên này thì cũng không dẹp tên. Như tiếng đã tịnh, nếu không có tiếng này thì không dừng được các tiếng khác, nếu còn tiếng này thì cứ thường là tịnh, tức tự làm ồn, cũng chẳng dừng tiếng. Nên biết ở đây ý thú cũng giống như vậy, khéo phải dứt bỏ.

I 3. Theo tướng để giải thích dẹp:

Có hai câu:

Thể chân như này không thể dẹp, do tất cả pháp đều chân, nên cũng không thể lập, do tất cả pháp đều là Như.

Nói “Thể chân như này không thể dẹp, v.v...”. Giải thích có hai:

- Đứng về mặt quán mà giải thích: Người ngoài thấy ở văn trước cả hai đều dẹp danh tướng của Chân như. Nghĩa là bốn thể chân như cũng là pháp để dẹp thì sinh ra đoạn kiến. Nên nay giải thích rằng: Chỉ dẹp danh tướng luống dối mà không dẹp pháp thật Chân như. Đó là trí mầu quán cảnh, vì sao không dẹp? Câu sau giải thích rằng: Vì tất cả pháp đều là chân, không có pháp để dẹp. Người ngoài đã nghe chân lý không dẹp thì cho là có pháp để lập, ngay tình mà duyên chấp, nên nói cũng thể lập. Vì lìa vọng tình vì sao không lập? Câu sau giải thích trình bày rất dễ hiểu.

- Đứng về mặt pháp mà giải thích: “Không thể dẹp”, là chẳng do thể chân mà dẹp pháp sinh diệt, vì sao chẳng dẹp?

Giải thích rằng: Vì tất cả pháp đều chân, do trong môn Sinh diệt tất cả pháp nhiếp tịnh không có tự tánh, chẳng khác chân như, không đời mất.

“Cũng không thể lập”: Các pháp sinh diệt không hề chẳng chân, chân như này không đời lập, vì sao không đời lập? Câu sau giải thích rằng: Vì tất cả pháp đều Như, do tất cả pháp sinh diệt xưa nay đồng như, chân như này không hề chẳng hiển, làm sao có chỗ lập. Lại theo hai môn ở văn trên, mỗi môn đều nhiếp chung, tất cả pháp môn ở đây nên chia thành bốn câu:

Đứng về mặt chân không có chỗ dẹp: Vì tục tức chân.

Đứng về mặt chân không đời lập: Chân tức tục vốn hiện.

Đứng về tục không trái nhau: Do chân tức tục.

Đứng về mặt tục không đợi lập: Tức chân tục khác nhau.

Do đó nghĩa này không hoại môn Sinh diệt mà nói môn Chân như, không hoại môn Chân như mà nói môn Sinh diệt, bởi hai môn chỉ là nhất tâm, do đó chân tục cả hai viên dung không chướng ngại.

Trong bốn câu này thì hai câu trước là ở môn Chân như, hai câu sau là ở môn Sinh diệt. Do ở đây là môn Chân như, nên chỉ có hai câu.

Nên biết tất cả pháp không thể nói, không thể nghĩ, nên gọi là chân như.

H2. Kết luận:

Nên biết v.v... trở xuống, là nghĩa dứt bật nói năng, suy nghĩ.

E2. Hỏi, đáp, giải thích nghi:

- Hỏi nghi chân dứt tu.

- Đáp nêu chân khuyến tu.

Hỏi: Nếu nghĩa như thế các chúng sinh v.v... làm sao thuận theo mà được vào?.

Trong câu hỏi “làm sao thuận theo” là hỏi về phương tiện quán. “Mà được vào” là hỏi về chánh quán. Trong phần đáp cũng có hai.

Đáp: Nếu biết tất cả pháp tuy nói không có năng thuyết, sở thuyết, dù niệm cũng không có năng niệm, sở niệm, đó gọi là thuận theo, nếu lìa niệm gọi là được vào.

Trong câu đầu nói “tuy nói, tuy niệm, đều không có năng sở” là nói niệm tức vô niệm, chẳng diệt niệm, chẳng diệt niệm gọi là tuy niệm lìa đoạn kiến tức vô niệm. Đều không có năng sở là lìa thường kiến. Trong khoảng một niệm lìa hai kiến chấp này, thấy pháp không hai này được gọi là thuận theo trung đạo, thuận theo pháp tánh. Lại cũng có thể đối với kia nói niệm quán niệm này v.v... thường không có năng sở. Tuy chưa thể lìa niệm mà thuận theo vô niệm, nên nói thuận theo, đây là giải thích phương tiện quán. Quán lâu không dừng thì lìa được vọng niệm, khế hợp chân lý vô niệm kia, nên gọi là chánh quán.

Nói “Được vào” là quán trí khế nhập. Luận nói Thập Địa: “Trí là chỗ trí hành”. Lại nói: “Là cảnh giới khó thấy, sẽ thấy tự tâm thanh tịnh, cảnh giới này không thể nói”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chân pháp tánh trí mầu sâu xa thuận theo mà vào”, vì thế nên biết dù chẳng phải cảnh giới vọng niệm, nhưng chẳng nên nghĩ mình không có phần.

D2. Giải thích chân như:

Từ đây trở xuống, là chân như nương ngôn thuyết.

Văn có ba:

E1. Kể số nêu chung.

E2. Khai chương biện tóm lược.

E3. Y theo chương giải thích rộng.

E1. Kể số nêu chung:

Lại nữa, chân như là nương lời nói phân biệt có hai nghĩa.

Trong câu đầu “nương ngôn thuyết có hai nghĩa” là trình bày hai nghĩa này, nếu lia lời nói thì chỉ một vị. Nay đã nương lời nói có hai, không thể chấp giữ theo ngôn ngữ. Chỉ vì chúng sinh sinh tin hiểu nên nói văn này. Địa luận nói: “Vì sao không nói vô ngôn, thị hiện nương vào lời nói mà cầu hiểu”.

E2. Khai chương nói tóm lược:

Hai nghĩa gồm:

1. Như thật không: do rốt ráo hiển bày thật. Ở đây dùng không vọng nhiễm trong như thật không, nên nói như thật không, chẳng cho rằng như thật tự không, đây là không của như thật, thuộc về Y Chủ Thích. Do vọng không nên hiển bày chân lý, mà nói là hiển thật. Luận Trung Biên nói: “Không năng thủ có sở chấp, có năng thủ không sở chấp, gọi là tướng Không”

2. Như thật chẳng không: do có đủ tánh công đức vô lậu của tự thể. “Chẳng không” có hai thứ:

- Khác với vọng không có thể, nên nói có tự thể.

Khác với hăng sa phiền não hữu lậu, nên nói đầy đủ tánh công đức vô lậu.

Nên Nhiếp luận nói: “Bốn đức vốn có”. Kệ luận Phật Tánh nói:

*Do khách trần là không
Cùng lia với pháp giới
Pháp vô thượng chẳng không
Cùng theo với pháp giới.*

Văn xuôi kia giải thích rộng, rất dễ hiểu.

E3. Giải thích rộng:

Có hai:

G1. Như thật không.

G2. Như thật chẳng không.

G1. Như thật không:

Có ba:

H1. Lược nói về lia nhiễm, chẳng phải lược mà có thể trọn.

H2. Giải thích rộng, chẳng phải rộng mà khắp được.

H3. Kết luận:

H1. Nói lược về lia nhiễm, chẳng phải lược mà trọn được:

Cái gọi là không lìa tất cả pháp nhiệm không tương ứng từ xưa đến nay, nghĩa là lìa tất cả pháp tướng sai biệt, vì không có tâm niệm luống dối.

Trong câu đầu nói “Không tương ứng Tất cả pháp nhiệm” là nêu chung năng sở phân biệt đều không tương ứng.

“Lìa tướng sai biệt” là lìa tướng sở thủ. “Do không vọng niệm” là lìa cái thấy năng thủ. Lại do vọng cảnh từ vọng niệm sinh, giải thích nói không là chẳng có, vì cảnh tâm vọng điên đảo, nên tình có lý không, đức của chân như lý có tình không, nên chẳng tương ứng.

H2. Phần giải thích rộng:

Chấp thủ tuy nhiều nhiếp chung không gì hơn hai mươi bốn câu này. Nên luận Quảng Bách chép: “Lại nữa vì nói về chấp các pháp thế gian đều chẳng chân thật, và trình bày chỗ chấp ngoại đạo chẳng đồng”. Nói bài tụng rằng:

*Có và chẳng có
Đều là chẳng thật
Một chẳng phải một
Cả hai đều mất.*

Theo thứ lớp phối hợp, người trí hiểu nó chẳng phải chân, luận kia thứ lớp rộng phá nghĩa bốn tông ngoại đạo, đầy đủ như luận kia nói. Nay trong luận này, theo ngoại đạo chuyển chấp, nên có các câu này không giống với kia.

Nên biết tự tánh chân như chẳng có tướng có, chẳng có tướng không, chẳng có phải chẳng tướng có, chẳng phải chẳng có tướng không, chẳng có tướng có, không.

Nói “chẳng có tướng có” là nói chân lìa cái có luống dối.

Người nghi cho rằng: Đã chẳng có thì lẽ ra là không mới phải chứ!

Giải thích: Ta chẳng phải có luống dối của ông, nên nói chẳng có, chẳng nói là không, vì sao chấp là không, nên nói chẳng phải không.

Người nghi ngờ nghe ở trên nói chẳng phải có, lại nghe chẳng phải không, phân biệt cho rằng cả hai đều chẳng phải pháp chân như.

Giải thích: Chẳng phải của ta ông nói là có, nói chẳng có chẳng phải pháp thể là chẳng phải có. Chẳng phải của ông nói là không, nói chẳng phải không, chẳng phải pháp thể là chẳng phải không, vì sao lại chấp chẳng phải có chẳng phải không, nên nói chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không.

Người nghi ngờ lại nói: Ta ở trên lập có lập không, nói cả hai đều

chẳng phải, nếu cả hai chẳng phải còn thì có và không mất theo đó, nay cả hai chẳng phải, đã chẳng phải, thì có không của tôi lập trở lại.

Giải thích: Cái chẳng phải của ta ông nói, cả hai chẳng phải, nên nói chẳng phải chẳng phải, chẳng chấp nhận cả hai là phải. Vì sao lại chấp, nên nói chẳng có, không.

Chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải chẳng tướng một, chẳng phải chẳng tướng khác, chẳng phải tướng một và khác.

Một, khác v.v... y theo trước rất dễ hiểu.

Cho đến nói chung, nương tất cả chúng sinh, có vọng tâm niệm niệm phân biệt đều chẳng tương ứng, nên nói là không.

H3. Kết luận:

Vọng chấp trần sa khó có thể trải khắp, nên ở đây nhiếp chung nói rõ không tương ứng, đây là kết luận thuận.

G2. Như thật chẳng không:

Nếu lia vọng tâm thật chẳng có thể không.

“Nếu lia” trở xuống, là kết luận trái lại. Do đối trị nhiệm chẳng nói chân là không, chẳng phải không thể như lấy làm không. Cũng có thể văn này là giải thích nghi. Người nghi nghe chân không ở trên thì cho rằng dứt bỏ không có chân thể và hằng sa công đức. Nay giải thích như văn rất dễ hiểu, là nói rõ không chẳng khác bất không.

Trong văn, bất không có bốn:

H1. Văn.

H2. Giải thích.

H3. Kết luận.

H4. Giải thích nghi.

H1. Văn:

Cái gọi là chẳng không đã nói lên pháp thể không, chẳng thật có vọng.

Ban đầu có trước là văn, sau hiển bày.

Tức là chân tâm thường hằng bất biến, pháp thanh tịnh đầy đủ, gọi là chẳng phải không.

H2. Giải thích:

Kế đến là trình bày chẳng không, đức của chẳng phải không trái lại đối với cái không lưỡng đối. Luận lược có bốn thứ, nên luận Thật Tánh nói:

- Do thường nên chẳng sinh, vì lia thân ý sinh.

- Do hằng nên chẳng chết, vì lia lui sục không thể nghĩ bàn.

- Chẳng biến nên chẳng già, vì không có nghiệp vô lậu.
- Mát mẻ nên không bệnh, vì không có tập phiền não.

H3. Kết luận:

Trong đây, pháp thanh tịnh là mát mẻ trong luận ấy, vì lia hoặc nhiễm.

Lại “Chân tâm” là nêu thể, “Thường” là đức Thường, “Hằng” là đức Lạc, vì lia khổ biến dịch. “Bất biến” là đức Ngã, vì chẳng nghiệp trôi buộc được tự tại. “Tịnh pháp” là đức Tịnh.

Cũng không tương để chấp.

H4. Giải thích nghi ngờ:

Người nghi nghe pháp thanh tịnh chẳng phải không thì cho rằng đồng với có của tình chấp, nên giải thích, không có tương để chấp, là bất không chẳng khác không.

Vì cảnh giới lia niệm chỉ chứng mới tương ứng:

Nói “Vì cảnh giới lia niệm, v.v...” là giải thích nguyên do không tương. Nếu là chỗ vọng niệm duyên theo thì có tương, đã là cảnh của chân trí rõ biết thì không có tương vọng chấp.

Giải thích xong môn Chân như.

C2. Giải thích môn Sinh diệt:

Có hai:

- Giải thích pháp tâm sinh diệt.

- Nói rõ nghĩa chỗ chỉ bày. Tức nói về pháp này có hiển bày nghĩa công năng. Từ “Lại nữa, tương tự thể chân như v.v...” trở xuống,

Hỏi: Tại sao trong môn Chân như không nói về chỗ chỉ bày nghĩa của Đại. Trong môn Sinh diệt nói đủ chỗ chỉ bày nghĩa của Đại?

Đáp: Vì môn Chân như tức chỉ bày thể Đại thừa, năng sở không phân, bày tỏ ý chỉ chẳng khác, nên không nói. Trong môn Sinh diệt thì nhiệm tịnh chẳng phải là một nghĩa, pháp có khác nên nói đủ. Trong phần lập nghĩa ở trên, môn Chân như nói “Tức chỉ bày”, trong môn Sinh diệt nói “Năng chỉ bày” là giải thích nghĩa ở đây.

Về Pháp sinh diệt:

Có Hai:

Tiểu phần 1. Nói rõ nhiệm tịnh, sinh diệt.

Tiểu phần 2. Nói về Nhiễm tịnh nương nhau.

Sau “Bốn thứ huân tập v.v...” trở xuống.

Tiểu phần 1. Nói về nhiệm tịnh, sinh diệt.

Có hai:

A1. Đứng về mặt thể nêu chung.

A2. Y theo nghĩa giải thích riêng.

A1. Đứng về mặt thể nêu chung:

Có ba:

B1. Nêu thể.

B2. Nói về tướng.

B3. Đặt tên.

B1. Nêu thể:

Tâm sinh diệt là nương theo Như Lai tạng mà có tâm sinh diệt.

Nói “Nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt” nghĩa là tâm chẳng sinh diệt, do gió vô minh động mà có sinh diệt. Cho nên nói tâm sinh diệt nương tâm bất sinh diệt. Tuy nhiên, hai tâm này rất ráo chẳng có hai thể, chỉ theo hai nghĩa để nói nương nhau. Như nước chẳng động, vì gió thổi làm nước động, động tĩnh tuy khác mà thể nước là một. Cũng có thể nói nương nước lặng nên có nước động. Nên biết trong đây lý thú cũng giống như vậy. Theo đây mà suy nghĩ, nghĩa là tự tánh thanh tịnh tâm gọi là Như Lai tạng, do gió vô minh động mà có sinh diệt, cho nên nói nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt. Kinh Lăng-già, Thắng-man đều đồng thuyết này. Ở đây trình bày chân tâm theo động nên có sinh diệt. Chẳng cho rằng nêu sở y để lấy năng y. Vì trong môn này có hai nghĩa hay chỉ bày ba đại. Cho nên cũng xếp chung sở y vào môn này.

B2. Nói về tướng:

Nghĩa là, chẳng sinh chẳng diệt hòa hợp và sinh diệt, chẳng phải một, chẳng phải khác.

“Chẳng sinh diệt” là Như Lai tạng thanh tịnh tâm ở trên, vì đồng nên có sinh diệt chẳng lìa nhau, vì vậy nói hòa hợp, chẳng cho rằng có sinh diệt riêng đến hợp với chân. Nghĩa là tâm sinh diệt là sinh diệt của tâm không hai tướng, sinh diệt của tâm do vô minh mà thành. Tâm sinh diệt từ bản giác khởi mà không có hai thể, không xa lìa nhau, nên nói hòa hợp, văn sau nói: “Như nước biển lớn, do gió có sóng động, tướng nước, tướng gió không lìa nhau”. Cho đến nói rộng trong đây động của nước là tướng gió, tánh ướt của động là tướng nước, lấy nước mà toàn thể động, vì nước không lìa tướng gió, không có gì động mà chẳng phải ướt, nên động chẳng lìa tướng nước. Tâm cũng như thế, tâm bất sinh diệt toàn thể động, vì tâm chẳng lìa tướng sinh diệt, tướng sinh diệt không đâu chẳng phải chân. Sinh diệt chẳng lìa tướng tâm, chẳng lìa như thế gọi là hòa hợp. Đây là tâm bất sinh diệt hòa hợp với sinh diệt, đó là môn tùy duyên, chẳng phải sinh diệt hòa hợp với bất sinh diệt. Do đây chẳng phải hướng về môn Chân như cũ.

“Chẳng phải một chẳng phải khác” là chân tâm toàn thể động nên tâm chẳng khác với sinh diệt, mà chân tánh thường không thay đổi, nên chẳng phải một với sinh diệt. Kinh Lăng-già cho bảy thức nhiễm pháp là sinh diệt, cho Như Lai tạng tịnh pháp là bất sinh diệt. Đây là cả hai đều hòa hợp, làm thức A-lại-da. Vì hòa hợp nên chẳng phải một chẳng phải khác.

“Môn chẳng phải khác” có ba thứ:

- Vì lấy gốc theo ngọn để nói chẳng khác, kinh nói: “Như Lai tạng là nhân thiện, bất thiện, hay trùm khắp tạo ra chúng sinh trong tất cả đường”. Nên văn sau nói: “Hoặc sinh hoặc diệt, v.v...”. Trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương cũng nói: “Thức này lưỡng đối là tánh kia”. Nên nói là thuộc về lưỡng đối phân biệt. Lại kinh nói: “Phật tánh tùy duyên thành vị khác, v.v...”.

- Nhiếp ngọn đồng với gốc, nói về chẳng khác. Kinh nói: “Chúng sinh tức như”. Lại kinh Niết-Bàn nói: “Mười hai nhân duyên tức Phật tánh”. Lại Thập Địa nói: “Ba cõi chỉ một tâm”. Luận ấy giải thích là: “Đệ nhất nghĩa đế”. Lại trong luận này văn sau nói: “Bốn tướng xưa nay bình đẳng đồng một giác”, v.v... và v.v... Trước tức gốc của ngọn, gốc không có gốc khác, chỉ có sinh diệt, lại không có pháp riêng để khác nhau. Sau tức ngọn của gốc, ngọn không có ngọn riêng, chỉ có bất sinh diệt, cũng không có pháp riêng để khác nhau.

- Gốc ngọn bình đẳng, là nói về chẳng khác. Kinh nói: “Như Lai tạng sâu xa mà cùng chung bảy thức”. Lại kinh nói: “Thức A-lại-da tên Như Lai tạng cùng chung bảy thức vô minh, như sóng biển lớn thường không ngừng dứt”. Lại luận nói: “Chỉ chân thì bất sinh, riêng vọng thì chẳng thành, chân vọng hòa hợp mới có chỗ tạo”. Đây là gốc ngọn dung thông, bờ mé chẳng phân, nên nói chẳng khác.

“Nghĩa chẳng phải một”: Tức do trước nhiếp gốc của ngọn là bất sinh diệt, cùng nhiếp ngọn của gốc kia là pháp sinh diệt mà chẳng phải một. Nương theo nghĩa này nên kinh nói: “Như Lai tạng chẳng ở trong A-lại-da, nên bảy thức có sinh có diệt, mà Như Lai tạng chẳng sinh diệt”.

Giải thích rằng: Trong đây chỉ sinh diệt là bảy thức, chỉ bất sinh diệt là Như Lai tạng. Hai nghĩa đã phân, khiến A-lại-da không có tự thể khác, nên nói chẳng ở trong đó. Đây là nói theo nghĩa chẳng phải một, chẳng nói rằng không hòa hợp. Vì sao? Vì trong đây Như Lai tạng bất sinh diệt, tức là bất sinh diệt của bảy thức sinh diệt, nên chẳng phải một với tự sinh diệt, tức là sinh diệt của Như Lai tạng bất sinh diệt, nên cùng

cũng chẳng phải một với tự bất sinh diệt. Trong đây chẳng thẳng, chẳng trái, chẳng khác, để nói lên chẳng phải một. Cũng chính do chẳng khác nên thành chẳng phải một. Vì sao? Vì nếu Như Lai tạng tùy duyên lúc tạo sinh diệt, mất bất sinh diệt của mình thì không được có sinh diệt. Cho nên do bất sinh diệt được có sinh diệt thì chẳng khác, nên chẳng phải một. Lại trong đây chân vọng hòa hợp, các thức duyên khởi lấy bốn câu để nói:

Vì Như Lai tạng chỉ là bất sinh diệt, như tánh ướt của nước.

Bảy thức chỉ là sinh diệt, như sóng của nước.

Thức A-lại-da vừa sinh diệt vừa bất sinh diệt, như biển bao gồm cả động tĩnh.

Vô minh điên đảo chấp chẳng phải sinh diệt, chẳng phải bất sinh diệt, như gió mạnh khởi sóng, chẳng phải nước chẳng phải sóng.

Trong bốn nghĩa này, theo đó nêu một nghĩa tức dung nhiếp toàn thể, nghĩa lý duyên khởi không hai tướng. Và lại, ở đây lại theo nghĩa tánh ướt chẳng mất, động tĩnh chẳng một. Nên nói nước chẳng ở trong sóng, há có thể sóng này lìa ngoài nước có tự thể riêng ư! Các nghĩa khác theo đây mà suy nghĩ.

Hỏi: Đã nói động tĩnh không phải một, lẽ ra nói Như Lai tạng chẳng ở trong bảy thức, vì sao lại nói chẳng ở trong A-lại-da?

Đáp: A-lại-da dung nhiếp cả động tĩnh, động tĩnh không hai là toàn thể A-lại-da. Đã phân ra động tĩnh, A-lại-da không có tự thể riêng, nên nói chẳng ở trong đó.

Hỏi: A-lại-da đã chung cho động tĩnh thì chẳng nên chỉ ở trong môn Sinh diệt phải không?

Đáp: Vì khởi tĩnh để thành động, chẳng có thể động riêng, nên tánh tịnh theo động cũng ở trong sinh diệt, chẳng phải ngay A-lại-da đầy đủ động tĩnh ở trong môn Sinh diệt này. Cũng là Như Lai tạng chỉ bất động cũng ở trong môn này. Vì sao? Vì sinh diệt kia chẳng có pháp riêng. Có thể y theo đây suy nghĩ. Lại, nếu là một thì tướng thức sinh diệt lúc diệt tận, chân tâm lẽ ra diệt, tức rơi vào lỗi đoạn. Nếu là khác thì nương gió vô minh lúc huân động, thể của tâm tĩnh lẽ ra không theo duyên, tức rơi vào lỗi thường. Lìa hai bên này lẽ ra chẳng phải một, khác. Lại nếu một thì không hòa hợp, nếu khác cũng không hòa hợp, vì chẳng phải một, khác nên được hòa hợp. Như kinh nói: “Thí như cục đất và hạt bụi chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Vàng và đồ trang sức cũng giống như thế”. Nếu đất khác chẳng phải do hạt bụi làm thành mà thật do hạt bụi mà thành, nên chẳng khác. Nếu chẳng khác thì đất và hạt

bụi lẽ ra không khác nhau. Cho nên chân tướng chuyển thức, tạng thức nếu khác, thì tạng thức chẳng phải có nhân. Nếu chẳng khác thì chuyển thức diệt, tạng thức cũng nên diệt, mà tự chân tướng thật chẳng diệt, cho nên, chẳng phải tự chân tướng thức diệt, chỉ nghiệp tướng diệt.

Giải thích rằng: Trong đây chân tướng là Như Lai tạng, chuyển thức là bảy thức. Tàng thức là A-lại-da. Ở đây luận chủ bao gồm chung ý văn trên dưới của kinh Lăng-già mà tạo lập phần này, nên nói chẳng phải một, khác.

B3. Phần đặt tên:

Tên là thức A-lại-da.

Trong phần một: Tuy là, sinh diệt và bất sinh diệt này, nếu tức thì nghĩa chẳng phải một, mà nói thì tâm chẳng phải khác, gọi hai nghĩa này là tâm không hai, tên là thức A-lại-da. A-lợi-da và A-lại-da là tiếng Phạm nói lầm. Chân Đế Tam Tạng đời Lương, dịch là Vô Một Thức. Thời nay, Pháp Sư Huyền Trang theo nghĩa phiên dịch là Tàng thức. Nhưng Tàng là nghĩa bao nhiếp, dung chứa. Vô Một là nghĩa chẳng mất, nghĩa một mà tên khác. Sở nhiếp gọi là Tàng, nghĩa là các chúng sinh chấp làm ngã. Sở dĩ như vậy là do chân tâm chẳng giữ tự tánh theo huân tập hòa hợp dường như một dường như thường. Cho nên những người ngu lấy tướng tự làm chân, chấp làm ngã bên trong, ngã kiến thâm nhiếp nên gọi là Tàng. Do nghĩa này nên hai thứ ngã kiến thường không khởi vị, tức mất tên A-lại-da. Lại năng tàng tự thể ở trong các pháp. Lại năng tàng là các pháp trong tự thể. Nên luận nói: “Năng tàng, sở tàng, ngã ái chấp tàng” là nói ở đây. Đây là y theo nghĩa mà đặt tên.

A2. Giải thích riêng:

Có ba:

Chi 1. Giải thích tâm sinh diệt ở trên.

Chi 2. Giải thích nhân duyên sinh diệt ở trên.

Từ “Lại nữa, nhân duyên sinh diệt v.v...” trở xuống.

Chi 3. Giải thích tướng sinh diệt ở trên.

“Lại nữa tướng sinh diệt v.v...” trở xuống,

Chi1. Giải thích tâm sinh diệt ở trên:

Tiết 1. Khai số để nói về đức.

Tiết 2. Nương câu hỏi kể tên.

Tiết 3. Nương tên giải thích.

Tiết 1. Khai số để nói về đức:

Nói: “Thức này có hai nghĩa”, nghĩa này hơi khó, nay bao gồm văn trên dưới lược trình bày ý, theo văn sẽ biết, vì sao? Vì nghĩa chân

như. Có hai nghĩa: - Nghĩa bất biến và nghĩa tùy duyên.

Vô minh cũng có hai nghĩa: - Nghĩa vô thể tức không và nghĩa có dụng thành sự.

Trong chân vọng này mỗi thứ do nghĩa đầu mà thành môn Chân như ở trên. Đều do nghĩa sau mà thành môn Sinh diệt này. Đây là chân như tùy duyên và vô minh thành sự, cũng đều có hai nghĩa:

- Nghĩa trái với mình thuận với người và nghĩa trái với người thuận với mình.

Vô minh trái với mình thuận với người cũng có hai nghĩa:

- Hay phản đối chỉ bày tánh công đức và hay biết danh nghĩa thành dụng tịnh.

Trái với người thuận với mình, cũng có hai nghĩa:

- Che chân lý và thành vọng tâm.

Trong phần chân như, trái với người thuận với mình, cũng có hai nghĩa:

- Đối nghịch vọng nhiễm, hiển bày tự đức. Bên trong huân vô minh mà khởi dụng tịnh.

Trái với mình thuận với người, cũng có hai nghĩa:

- Nghĩa ẩn chân thể của mình và nghĩa hiển bày pháp vọng.

Chân vọng trên đây trong mỗi thứ có bốn nghĩa. Vì nghĩa phản đối chỉ bày trong vô minh và nghĩa ngược vọng để hiển bày đức trong chân như, từ hai nghĩa này có được bản giác. Lại do nghĩa hay biết danh trong vô minh và nghĩa bên trong huân tập của chân như, từ hai nghĩa mà có được thí giác. Lại do nghĩa che chân trong vô minh và nghĩa ẩn thể trong chân như, từ hai nghĩa này lại có căn bản bất giác. Lại do nghĩa thành vọng trong vô minh và nghĩa hiện vọng trong chân như, theo hai nghĩa này có bất giác chi mật. Trong môn Sinh diệt này chân vọng lược khai bốn nghĩa, rộng có tám môn. Nếu theo từng hai cặp đối nhau hòa hợp thành duyên khởi thì có bốn môn, nghĩa là hai giác và hai bất giác. Nếu theo bốn mặt không lia nhau, chỉ có hai môn là giác và bất giác. Nếu bao gồm nhiếp chung thì chỉ có một môn, là môn nhất tâm sinh diệt. Lại nếu đứng về các thức phân tướng môn, bản giác bốn bất giác ở trong bốn thức. Ngoài ra hai thứ kia ở trong sinh khởi thức. Nếu đứng về môn bốn mặt bất nhị thì đều ở trong một bốn thức, nên nói thức này có hai nghĩa.

Tiết 2. Nương câu hỏi kể tên:

Hỏi: Trong đây, một thức có hai nghĩa, cùng nhất tâm ở trên có hai môn, khác nhau thế nào?

Đáp: Trong nhất tâm ở trên bao gồm hai nghĩa là nghĩa không giữ

tự tánh mà tùy duyên và nghĩa tự tánh bất biến mà dứt tướng. Nay ở đây chỉ đứng về tướng nhiễm tịnh sự lý không hai trong môn tùy duyên để nói về thức này. Cho nên nghĩa nhất tâm ở trước rộng bao gồm hai môn, nghĩa là một thức này hạn cuộc ở một môn.

Hỏi: Trong đây bản giác khác với môn Chân như ở trên thế nào?

Đáp: Môn Chân như là đứng về mặt thể dứt tướng mà nói. Bản giác đứng về tánh công đức mà nói, là nghĩa trí tuệ sáng suốt rộng lớn gọi là bản giác. Bản là nghĩa tánh, giác là nghĩa trí tuệ. Vì thế đều hiển bày ngược lại vọng nhiễm thâm nhiếp trong môn Sinh diệt. Vì trong môn Chân như không có nghĩa ngược lại nhiễm, v.v... không đồng với đây. Cho nên hai đại thể và tướng đều gọi là bản giác, cùng trong môn Sinh diệt, nên đầy đủ ba đại.

Gồm nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp:

Nói “Gồm nhiếp tất cả pháp” là trong hai môn trên nhiếp chung nói thứ. Trong đây không nói mỗi thứ, vì hai nghĩa này hạn cuộc ở hai môn, chỉ rõ một thức bao gồm hai nghĩa nên nhiếp tất cả, chẳng nói hai nghĩa mỗi thứ đều nhiếp tất cả. Lại trong văn trên chỉ nói nhiếp mà không nói sinh, vì môn chân như không có nghĩa năng sinh. Trong thức này do bất giác huân tập bản giác sinh ra các pháp nhiễm trôi lăn trong sinh tử. Do bản giác huân tập bất giác sinh ra các pháp tịnh, ngược dòng xuất triển thành thỉ giác. Nương hai nghĩa này sinh ra khắp tất cả pháp nhiễm tịnh, nên nói năng sinh. Ở sau trong bốn thứ huân tập sẽ biến bày rộng việc này. Chẳng ngại nơi tướng huân tập các pháp năng sinh, cho đến sinh các pháp đã không lìa tâm này, bị tâm này nhiếp, như hai môn ở trên đều giải thích chỗ nhiếp.

Thế nào là hai? 1. Nghĩa giác. 2. Nghĩa bất giác.

Tiết 3. Nương theo tên giải thích riêng:

Có ba:

- A1. Giải thích giác.
- A2. Nói về bất giác.
- A3. Cả hai nói về đồng khác.

A1. Biện giác. Đứng về mặt pháp thanh tịnh để nói tâm sinh diệt.

Có hai:

- B1. Lược nói thỉ giác và bản giác.
- B2. Nói rộng hai giác. “Lại giác nguồn tâm” trở xuống,

B1. Lược nói thỉ giác và bản giác:

Có hai:

- C1. Bản giác.

C2. Thỉ giác.

C1. Bản giác:

Có hai:

D1. Hiện bày thể bản giác.

D2. Giải thích tên bản giác, “Do đâu v.v...” trở xuống.

D1. Trình bày thể bản giác:

Nghĩa giác là tâm thể lìa niệm, lìa tướng niệm, đồng cõi hư không đều trùm khắp, nhất tướng pháp giới tức là Pháp thân bình đẳng của Như Lai, nương vào Pháp thân này gọi là Bản giác.

Trong câu đầu nói “Lìa niệm” là lìa vọng niệm, nói lên không có bất giác.

“Đồng có hư không” Chẳng những không có sự tối tăm của bất giác, mà còn có nghĩa trí tuệ sáng suốt rộng lớn, hư không có hai nghĩa so sánh với bản giác:

- Nghĩa tròn khắp: Nghĩa là ngang khắp ba cõi, thẳng chung phạm thánh, cho nên nói không chỗ nào chẳng tròn khắp.

- Nghĩa không sai khác: Nghĩa là tại triền ra khỏi chướng ngại, tánh hằng không có hai nên nói nhất tướng pháp giới.

Muốn rõ nghĩa giác tướng xuất triền hiển lộ, nên nói tức là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Đã là giác của Pháp thân, lý chẳng phải mới thành, nên nói nương Pháp thân này gọi là bản giác. Của Nhiếp Luận Vô Tánh nói: “Vô cấu vô quả ngại trí gọi là Pháp thân”. Kinh Kim Quang Minh gọi trí Đại viên cảnh là Pháp thân, đều là nghĩa này.

D2. Giải thích tên bản giác:

Vì sao? Nghĩa bản giác đối với nghĩa thỉ giác mà nói, vì thỉ giác tức đồng với bản giác

“Vì sao?” Là trách lập tên kia, trách có hai ý.

- Trong phần mở đầu chương trên nói thẳng nghĩa giác, vì sao nay kết luận là bản giác.

- Trong đây đã gọi là Bản giác, vì sao văn trên nói thẳng là giác, trách tới lui.

Giải thích: Vì đối Thỉ nên nói Bản, là đáp ý ban đầu. Vì Thỉ tức đồng Bản, lúc đến nguồn tâm thỉ giác tức đồng bản giác, không có hai tướng. Nên văn trên chỉ nói giác là đáp ý sau. Bởi do bản giác theo nhiệm sinh thỉ giác, lại đối đãi thỉ giác mới gọi là Bản giác. Nên nói Bản giác đối với Thỉ giác mà nói. Tuy nhiên, thỉ giác này là chỗ thành tựu của Bản giác, lại khế hợp với nguồn tâm, dung đồng một thể mới gọi là thỉ giác. Nên nói vì Thỉ giác tức đồng Bản giác.

Hỏi: Nếu Thử giác khác Bản giác thì không thành thử giác, nếu thử giác đồng bản giác thì không khác thử giác, vì sao nói đối với Thử giác gọi là Bản giác?

Đáp: Nay ở trong môn Sinh diệt, đứng về nghĩa tùy nhiễm y theo bản giác nói thử giác, mà thật khi thử giác đến nguồn tâm, nhiễm duyên đã hết, thử bốn chẳng khác, bình đẳng dứt lời, tức thuộc về môn Chân như. Cho nên bản giác ở trong môn Sinh diệt, chẳng phải môn Chân như.

C2. Nghĩa Thử giác:

Nghĩa Thử giác là nương bản giác mà có bất giác, nương bất giác nên nói có Thử giác.

Trong phần thử giác: Nói thử giác là tên lặp lại. “Nương bản giác có bất giác” là nói nguyên do khởi thử giác, nghĩa là tức tâm thể này theo duyên vô minh động tạo ra vọng niệm, mà vì bản giác bên trong có năng lực huân tập, dần dần có giác sâu kín nhằm chán mong cầu, cho đến rốt ráo trở lại đồng với bản giác, nên nói “Nương bản giác có bất giác, nương bất giác có thử giác”.

Văn sau nói: “Bản giác theo nhiễm sinh ra tướng trí tịnh”, tức là thử giác này. Trong đây đại ý nói về bản giác thành bất giác, bất giác thành thử giác, Thử giác đồng với bản giác, đồng với bản giác nên không có bất giác, không có bất giác nên không có thử giác, không có thử giác nên không có bản giác, không có bản giác nên bình đẳng, bình đẳng là ngôn ngữ, dứt suy nghĩ, nên quả Phật viên dung không nương gá. Cái khác của thử giác, bản giác đâu có khác với ba thân. Nhưng theo vật nên tâm hiện, vì thế nói dụng của báo thân, hóa thân. Văn sau sẽ nói rõ.

B2. Hiển bày rộng hai giác:

Có hai:

- C1. Nói về thử giác.
- C2. Nói về bản giác.

C1. Thử giác:

Có ba:

- D1. Nêu chung hai giác nhân quả.
- D2. Rộng nương bốn tướng giải thích thành tựu.
- D3. Nói Rõ thử chẳng khác bốn. “Mà thật chẳng có” trở xuống,

D1. Nêu chung hai giác nhân quả:

Lại do giác nguồn tâm nên nói rốt ráo giác, chẳng giác nguồn tâm nên chẳng phải rốt ráo giác.

Trong câu đầu nói “Giác nguồn tâm” là nguồn tâm nhiễm, nghĩa

là tánh tịnh. Lại nguồn tướng thô là tướng sinh. Đạo tử giác tròn đầy đồng nơi bản giác, nên nói rốt ráo, đây ở địa vị Phật. Chẳng rõ nguồn kia, Tử chưa đồng Bản, nên nói chẳng rốt ráo, đây ở địa vị kim cương về trước.

D2. Rộng nương về bốn tướng hiển bày riêng:

Ba tướng trước giải thích chẳng phải giác rốt ráo ở trước, một tướng sau là giải thích giác rốt ráo ở trên, trong đây có hai:

E1. Chính nương bốn tướng hiển bày bốn địa vị.

E2. Dẫn kinh giải thích thành nguồn tâm vô niệm.

E1. Chính nương bốn tướng trình bày bốn địa vị:

Có hai:

G1. Nói về đại ý.

G2. Giải thích văn.

G1. Thuật đại ý:

Trong đây ý văn dùng bốn tướng thô tế phối hợp để trình bày bốn địa vị ngược dòng sẽ rõ giới hạn Tử giác.

Tuy nhiên, bốn tướng này chỉ đứng về mặt chân tâm theo sự huân tập thô tế khác nhau mà nói có bốn, chẳng phải đứng về tâm một sát-na nói về bốn tướng. Cho nên biết là đứng về mặt tâm trong một sát-na mà nói. Như văn sau nói Bồ-tát Địa Thượng tâm vi tế sinh diệt trong nghiệp thức ở trong tướng dị, diệt, phạm phu, tiểu thừa đầu thể biết. Lại như trong sự thức tướng thô sinh trụ, Bồ-tát Địa Thượng chẳng thể biết. Cho nên bậc Thập địa trở xuống có đầy đủ bốn tướng sâu kín. Trong tướng diệt, há địa vị tin có thể biết ư! Nên biết ý văn hơi khác.

Nay dùng hai môn để nói lược:

H1. Nói chung.

H2. Nói riêng.

H1. Nói chung:

Vốn là tâm tánh lìa niệm, không sinh không diệt mà có vô minh mê tự tâm thể, trái với tánh vắng lặng, phát động khởi niệm có bốn tướng sinh diệt, nên do sức gió vô minh khiến cho tâm thể sinh, trụ, dị, diệt từ tế đến thô. Kinh nói: “Phật tánh theo dòng thành các thứ vị, v.v...”. Lại kinh nói: “Tức Pháp thân này bị các phiền não xao động qua lại trong sinh tử gọi là Chúng sinh”.

Luận này ở sau nói: “Tự tánh tâm thanh tịnh do gió vô minh động, v.v...”. Nay đứng về nghĩa này để nói bốn tướng. Đã mất tĩnh khiến động nên có vi tế dính mắc chẳng đồng mé trước sau khác nhau. Theo mé trước rất tế gọi là tướng Sinh, cho đến mé sau rất thô gọi là tướng

Diệt. Nên luận Phật Tánh chép: “Tất cả pháp hữu vi mé trước tương ứng với tướng sinh, mé sau tương ứng với tướng diệt, mé giữa tương ứng với tướng trụ, dị, v.v...”

H2. Nói riêng:

Đối với văn sau kia, theo địa vị biệt mà phân tướng sinh có một, tướng trụ có bốn, tướng dị có hai, tướng diệt có một.

“Tướng sinh có một”, gọi là nghiệp tướng, nghĩa là do vô minh bất giác tâm động, tuy có sinh diệt mà tướng kiến chưa phân. Do năng lực vô minh chuyển tâm tịnh kia đến chỗ rất sâu kín này gọi là tướng sinh, rất nhỏ nhiệm, chỉ có Phật mới biết.

Văn sau nói: “Nương vào vô minh khởi lên các thức, cho đến chỉ có Phật mới biết” Tức văn sau phần một trong ba tế, phần sau trong sáu nhiệm, phần thứ nhất trong năm ý. Những thứ này đều thuộc về tướng sinh.

“Tướng Trụ có bốn”.

- Chuyển tướng: Là do năng lực vô minh bất giác ở trước tức tướng động, không động, cho nên chuyển thành năng kiến.

- Hiện tướng: Vì vô minh nương năng kiến ở trước chẳng rõ tướng không, khiến cho cảnh giới vọng hiện.

Hai tướng này đều trong địa vị A-lại-da thuộc tâm bất tương ứng.

- Trí tướng: Vì vô minh mê các cảnh do tự tâm hiện ở trước, vọng khởi phân biệt tướng nhiệm tịnh, nên nói là Trí.

- Tương tục tướng: Do vô minh không rõ chỗ phân biệt ở trước là chẳng phải không chỗ có, lại khởi niệm tương ứng chẳng dứt.

Hai tướng này đồng ở địa vị phân biệt sự thức phần tế, thuộc tâm tương ứng. Vô minh sinh nhau ở trước hòa hợp chuyển tâm tịnh kia cho đến địa vị này, hành tướng còn tế, pháp chấp trụ vững, gọi là tướng trụ. Văn sau là thuộc hai phần sau trong ba tế, hai phần đầu trong sáu thô, cùng bốn phần sau trong năm ý và bốn phần giữa trong sáu nhiệm, những tướng này đều đồng tướng trụ.

“Tướng dị có hai”:

- Tướng chấp thủ.

- Tướng kế danh tự.

Nghĩa là vô minh ở trước mê pháp nhiệm tịnh, trái thuận, lại khởi tham, sân, nhân ngã, ái kiến, v.v... chấp tướng chấp tên, chấp đắm càng sâu, đây là trong địa vị sự thức phần thô. Vô minh và tướng trụ ở trước hòa hợp chuyển tịnh tâm kia khiến đến địa vị này, hành tướng hơi thô, phát động thân, khẩu, khiến kia tạo nghiệp gọi là tướng dị, là trong văn

sau hai phần giữa trong sáu thô, một phần đầu trong sáu nhiễm và ý thức sau trong năm ý. Những thứ này đều đồng tướng dị.

“Tướng diệt có một”: Còn gọi tướng khởi nghiệp, nghĩa là vô minh chẳng rõ hai nghiệp thiện ác, nhất định cảm với hai quả báo khổ vui, nên rộng đối với các duyên tạo nhóm các nghiệp, nương nghiệp mà chịu quả báo, diệt tâm dị ở trước, khiến rơi vào các đường. Do năng lực vô minh chuyển tịnh tâm kia đến mé sau này, hành tướng rất thô, đến đây là tội cùng, khắp tận sau cùng gọi là tướng diệt.

Vấn sau là tướng thứ năm trong sáu thô. Do quả báo chẳng thể dứt, nên chẳng nói tướng thứ sáu. Vì thế bốn tướng trong ba cõi chỉ là một tâm mộng, đều do năng lực của vô minh căn bản. Nên kinh nói: “Năng lực vô minh trụ địa rất lớn”. Luận này vấn sau nói: “Nên biết vô minh sinh ra tất cả các pháp nhiễm” là đây.

Tuy lại từ tế đến thô, chấp trước nói rõ thêm bực bốn tướng, nhưng rốt ráo không có trước sau. Gom bốn tướng này thành một niệm, vì thô tế dung thông chỉ là nhất tâm, nên nói đồng thời có, đều không tự lập.

Tuy nhiên, người chưa tội nguồn theo hạnh cạn sâu giác có trước sau. Người đạt nguồn tâm, một niệm bốn tướng đồng thời biết. Kinh nói: “Bồ-tát biết sau cùng mà không phân biệt ban đầu, chỉ có Phật Như Lai đều biết sau cùng và ban đầu”. Ban đầu là tướng sinh, sau cùng là các tướng cho đến tướng Diệt.

Đã do năng lực vô minh bất giác khởi tướng sinh v.v... các thứ niệm mộng động nguồn, tâm kia chuyển đến tướng diệt, ngủ mê trong ba cõi, trôi lăn trong sáu đường. Nay do năng lực huân bất tư nghì bản giác khởi tâm nhằm chán tìm cầu. Lại do chân tâm trôi chảy nghe được giáo pháp huân vào bản giác. Vì thế đồng dụng dung thông lãnh nạp, vấn huân kia thêm sức hiểu của tánh, tổn giảm công năng vô minh, dần hướng đến nguồn tâm, ban đầu dứt tướng diệt, sau dứt tướng sinh, rộng rang đại ngộ, giác liễu nguồn tâm, vốn không có chỗ động. Nay tính ban đầu từ vô thỉ bình đẳng bình đẳng không khác thỉ giác. Như kinh nói ví dụ về mộng qua sông. Đại ý như đây.

G2. Giải thích trong vấn:

Đứng về bốn tướng để phân biệt bốn địa vị, trong bốn địa vị, mỗi địa vị có bốn nghĩa.

- Người năng quán.
- Tướng sở quán.
- Lợi ích của quán.
- Phần hạn quán.

Nghĩa này thế nào? Như phàm phu giác biết niệm trước khởi ác nên dừng, niệm sau không để khởi. Tuy là nói giác tức bất giác.

Ở địa vị đầu: Như phàm phu là người năng quán là ở địa vị Thập Tín.

“Giác biết niệm trước khởi ác” là nói về tướng sở quán, nghĩa là chưa lên giai vị Thập Tín trở xuống, tạo nhiều nghiệp ác ở thân miệng mà không hay biết, nay vào địa vị Tín, hay biết nghiệp ác nhất định chiêu cảm quả báo khổ, nên nói giác biết, đây là nói rõ nghĩa giác diệt tướng.

“Dừng được niệm sau không để sinh khởi” là nói về lợi ích của quán, trước do bất giác thường khởi nghiệp ác ở thân miệng, nay đã giác nên chẳng tạo tác là dừng tướng diệt.

“Tuy lại nói giác tức là bất giác” là kết phần hạn của quán.

Biết được tướng diệt thật là bất thiện nên không tạo tác, gọi là tuy quán mà vẫn chưa biết tướng diệt là mộng, nên nói bất giác. Đây chỉ cho là năng dừng nghiệp ác, nên nói tuy quán mà chưa hay biết phiền não nên nói bất giác.

Hỏi: Giác diệt tướng, v.v... sau cũng bất giác. Vì sao chẳng lập tên gọi bất giác?

Đáp: Nếu y cứ trước giác sau bất giác thì cũng được gọi là bất giác. Nên văn sau cho đến bậc Thập địa đều bất giác, nên được giác nghiệp mà bất giác hoặc, chính gọi là bất giác. Tức văn này giác với hoặc đối đãi chẳng phải ở nghiệp.

Như người Nhị thừa quán trí Bồ-tát Sơ phát ý giác ở niệm dị, niệm không có tướng dị. Vì xả tướng chấp đắm phân biệt thô gọi là tướng tự giác.

Trong địa vị thứ hai: Người năng quán là Bồ-tát Tam hiền Thập Giải trở lên. Thập giải sơ tâm gọi là Phát tâm trụ, nêu hàng ban đầu này đồng lấy địa vị sau nên nói Sơ phát ý, v.v... Vì Bồ-tát này lưu hoặc nên chẳng chứng nhân không, nhưng địa vị Bồ-tát này ở nhân không được tự tại, cùng nói về Nhị thừa đồng địa vị.

“Giác nơi niệm dị” là tướng sở quán. Như trên nói hai thứ phần dị tướng, phân biệt trong ngoài chấp ngã, ngã sở, Tham, Sân, Ái kiến, v.v... Hai hạng này cũng rõ biết. Nói tâm vốn tịnh là chỗ ngủ mê của vô minh, mộng ở dị tướng khởi các phiền não, mà nay tạm tương ứng với trí tuệ, từ mộng dị tướng được giác vi tế nên nói giác ở niệm dị.

“Quán lợi ích” là đã hay biết mộng dị tướng, nên mộng dị tướng kia thường không có, nên nói niệm không dị tướng.

“Vi xả bỏ tướng phân biệt chấp thô” là giải thích thành tướng lợi ích, khởi tham, sân gọi là phân biệt thô, chấp trước cảnh thuận nghịch gọi là tướng chấp trước. Vì giác biết mộng dị tướng hay xả bỏ mà còn ngủ mê trong mộng trụ tướng, nên gọi tướng tự giác, tức kết phần hạn quán. Bồ-tát ở địa vị này chưa đến địa vị chứng ngộ, người Nhị thừa chẳng rõ pháp không, nên nói Tướng tự giác.

Như Bồ-tát Pháp thân giác ở tướng niệm trụ mà niệm không tướng trụ để xa lìa tướng phân biệt niệm thô, gọi là Tùy phần giác.

Ở địa vị thứ ba: Người năng quán là Bồ-tát Sơ địa, chứng nghĩa Pháp thân biến mãn cùng khắp, cho đến Cửu địa tất cả đồng chứng đắc, đều gọi là Bồ-tát Pháp thân.

“Giác Niệm trụ” là giác biết bốn thứ trụ tướng ở trước, tuy biết tất cả pháp chỉ là thức không khởi vọng chấp thô phân biệt ngoài tâm. Nhưng, sau xuất quán ở trên tự tâm hiện pháp, vẫn khởi pháp chấp phân biệt nhiễm tịnh. Vì tâm tịnh kia ngủ mê trong vô minh, mộng ở trụ tướng. Nay tương ứng với trí vô phân biệt, từ mộng trụ tướng mà được giác ngộ, phản chiếu trụ tướng rốt ráo không có, nên nói giác ở niệm trụ, niệm vô tướng trụ.

“Vi lìa phân biệt và tướng niệm thô” là nói về quán lợi ích khác với phần người chấp và chấp đắm cảnh ngoại ở trước. Nay đứng về tâm chỉ nói phân biệt, lại khác với vô minh căn bản sinh tướng niệm tế ở sau, nên nói tướng niệm thô.

Trong bốn thứ trụ tướng này ở Sơ địa, Thất địa, Bát địa, Cửu địa mỗi địa lìa một tướng, văn sau sẽ trình bày. Tuy ở niệm thô trụ tướng mà được giác ngộ vẫn tự ngủ mê trong mộng sinh tướng. Giác đạo chưa viên mãn nên nói tùy phần, tức kết phần hạn quán.

Như Bồ-tát Địa Tận đầy đủ phương tiện, một niệm tương ứng giác tâm, tâm mới khởi không có tướng ban đầu. Vì xa lìa niệm sâu kín nên thấy được tâm tánh, tâm tánh thường trụ nên nói rốt ráo giác.

Trong địa vị thứ tư: Bồ-tát Địa Tận là bậc Thập địa giác ngộ tột cùng nên nói là tận, đây là nêu chung. Hai câu sau là nói riêng.

“Phương tiện đầy đủ” là phương tiện đạo, “Một niệm tương ứng” là Vô gián đạo. Như Đối Pháp Luận nói: “Cứu cánh đạo là kim cương dụ định”, ở đây có hai thứ là thuộc về phương tiện đạo và thuộc về Vô gián đạo, tức là người năng quán ở đây. “Giác tâm sơ khởi” là nêu cảnh sở quán. Tâm mới phát khởi nói về vô minh căn bản nương vào giác nên mê, động tâm tịnh kia, khiến khởi niệm sâu kín. Nay giác biết lìa bản giác chẳng có bất giác, tức tâm động xưa nay vắng lặng. Như người

mê muốn cho hướng Đông là hướng Tây, lúc ngộ tức Tây là Đông, lại không có hướng Tây, nên nói tâm không có tướng ban đầu.

Trong địa vị thứ ba ở trước tuy mỗi thứ có chỗ giác, do động niệm kia chưa dứt, chỉ nói niệm không có tướng trụ v.v... Nay ở địa vị rốt ráo động niệm đều dứt, chỉ còn nhất tâm, nên nói tâm không có tướng ban đầu.

“Lìa niệm tế” là nói về lợi ích của quán, trong niệm nghiệp thức động niệm rất tế, gọi niệm vi tế là tướng sinh. Tướng này dứt hẳn không còn, nên nói xa lìa. Xa lìa tướng lưỡng đối, chân tánh liền hiển hiện, nên nói thấy tâm tánh.

Trong địa vị thứ ba ở trước, tướng không dứt nên chẳng nói thấy tánh. Trong các địa vị ở trước giác chưa đến nguồn vẫn mộng sinh tướng động tâm tĩnh kia thành nghiệp thức, v.v... sinh diệt chẳng trụ. Nay mộng sinh tướng này dứt, gió vô minh dừng, sóng tánh biển yên, vắng lặng thường trụ, nên nói được thấy tâm tánh, tâm tức thường trụ.

“Giác rốt ráo” là trước chưa đến nguồn tâm, mộng niệm chưa dứt, cầu diệt tâm động nên hướng đến bờ kia. Nay mộng niệm đều dứt, giác rõ nguồn tâm vốn không trôi lăn, nay không phải mới tĩnh, thường tự nhất tâm, bình đẳng bình đẳng, thì giác chẳng khác bản giác, gọi là rốt ráo giác, tức kết luận phần hạn.

E2. Dẫn kênh giải thích:

Có bốn:

G1. Dẫn kinh:

G2. Giải thích lại văn trước.

G3. Nêu mất bất giác. “Cho nên v.v...” trở xuống,

G4. Hiển bày được giác. “Nếu được v.v...” trở xuống,

G1. Dẫn kinh:

Cho nên kinh nói: nếu có chúng sinh quán được vô niệm là hướng về trí Phật:

Nói “Quán được vô niệm là hướng về trí Phật”, nghĩa là ở nhân địa, tuy chưa lìa niệm mà quán được đạo lý vô niệm này, nói hay quán là hướng về trí Phật, vì chứng biết địa vị Phật là vô niệm, đây là nêu nhân hướng đến quả mà nói. Nếu dẫn địa vị nói chung, như kinh Kim Quang Minh nói: “Nương các phục đạo tâm khởi sự diệt, nương pháp đoạn đạo y tâm căn bản diệt, nương thắng bạt đạo tâm căn bản dứt”.

Ở đây nói các phục đạo là địa vị Tam hiền.

Tâm khởi sự diệt tức trong luận này bỏ tướng phân biệt chấp trước thô, là dị tướng diệt.

Pháp đoạn đạo là ở địa vị Pháp thân.

Nương tâm căn bản diệt là như trong luận này bỏ tướng niệm thô tức trụ tướng diệt.

Thắng Bạt đạo là định kim cương Dự.

Tâm căn bản dứt như trong luận này là niệm sâu kín là sinh tướng diệt.

G2. Giải thích lại văn trước:

Lại tâm khởi là không có tướng đầu để biết, mà nói biết tướng đầu tức là Vô niệm.

Trong phần, nói: “Lại tâm khởi” là lặp lại lời “giác tâm ban đầu khởi” ở trên, chẳng cho là lúc giác biết có tướng ban đầu, nên nói không có cái ban đầu để biết. Đã không có tướng ban đầu, vì sao nói biết tướng đầu ư!

Giải thích: Nếu biết ban đầu tức là Vô niệm, ví như lúc mới biết hướng Tây hướng Đông, thì không có tướng hướng Tây để biết, nói biết hướng Tây tức là hướng Đông. Lúc giác tâm là biết động niệm ban đầu, tức tịnh xưa nay, nên nói tức Vô niệm.

G3. Nêu mất bất giác:

Cho nên tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm nối nhau chưa từng là niệm, nên nói vô minh từ vô thủy.

“Cho nên” là vô niệm ở trước gọi là Giác, tức là nói có niệm chẳng được gọi là Giác.

“Vì từ xưa đến nay, v.v...” là trình bày nguyên do bất giác, tức địa vị Kim cương trở xuống, tất cả chúng sinh chưa là niệm vô minh từ vô thủy thì chẳng được gọi là Giác. Nhưng, đối với sai biệt mộng bốn tướng ở trước, nên nói Tiệm giác. Nay đứng về mặt vô minh ngủ say chẳng khác nên nói bất giác. Như kinh Nhân Vương nói: “Ban đầu là phục nhĩ đến đánh Tam-muội chiếu soi nghĩa đế đệ nhất, chẳng gọi là Kiến, cái gọi Kiến là Tát-bà- nhĩ”, là chỗ này.

“Nên nói vô minh từ vô thủy” tổng kết thành nghĩa bất giác. Ở đây là nói không có pháp nhiệm ban đầu ở vô minh, nên nói vô thủy. Lại vô minh nương chân không có nguồn cội ban đầu.

G3. Trình bày được giác:

Nếu được vô niệm thì biết tâm tướng sinh, trụ, dị, diệt. Vì vô niệm, v.v...

Nếu đến nguồn tâm được vô niệm thì biết khắp tất cả chúng sinh một tâm động chuyển bốn tướng khác nhau, nên nói: “Nếu được vô niệm thì biết tâm sinh, trụ, dị, diệt”. “Do vô niệm, v.v...” là giải thích

thành tựu nghĩa trên.

Nghi: Phật được vô niệm, chúng sinh có niệm, có và không ngăn cách, làm sao biết được?

Giải thích: Chúng sinh có niệm, xưa nay không niệm. Phật đã được vô niệm, vô niệm và niệm xưa nay bình đẳng, nên nói: “Vì vô niệm, v.v...” cho nên biết được.

Lại giải thích: Vì trong niệm bốn tướng mỗi tướng tức vô niệm, nên nói vì vô niệm, v.v... cho nên người được vô niệm biết khắp niệm bốn tướng.

D3. Nói Thi chẳng khác Bốn:

Từ đây trở xuống, ở đây ban đầu là Nêu, kế là Giải thích.

Mà thật chẳng khác thi giác, vì bốn tướng có đồng thời, đều không phải tự lập, xưa nay bình đẳng đồng nhất giác.

Tuy mới được giác vô niệm, nhưng chỗ giác bốn tướng kia xưa nay không khởi, làm sao đối đãi bất giác mà có thi giác.

“Vì bốn tướng đồng thời, v.v...” trở xuống, là giải thích thành nghĩa trên, vì bốn tướng kia một tâm làm thành. Như dây xích liên kết nhau chẳng có trước sau, lìa tâm tịnh không có tự thể riêng, không tự thể nên xưa nay bình đẳng, đồng một bản giác. Nhưng, chưa đến địa vị này, theo sức trí kia giác có trước sau, chưa xứng pháp nên không được đồng bốn, nay bốn tướng đã đồng thời bình đẳng, giác biết đều không có tự thể, đồng một bản giác nên chẳng khác thi giác.

Hỏi: Bốn tướng làm sao được đồng thời, đã đồng thời tại sao văn trên nói giác có trước sau?

Đáp: Trên đã nói xong, nghĩa là chỉ một tâm mộng thấy bốn tướng trôi lăn, người ở trong mộng hỏi có trước sau, mỗi pháp tùy theo năng lực trí cạn sâu từng phần mà giác. Nhưng, người Đại giác biết bốn tướng là mộng, chỉ một tâm tịnh, chẳng có thể tánh để biện bày trước sau, nên nói đồng thời không có tự lập, Nhiếp luận nói: “Mộng trải qua nhiều năm, ngộ chỉ cần trong khoảnh khắc, nên thời gian tuy vô lượng mà nhiếp trong sát-na”. Trong đây một sát-na tức Vô niệm. Kinh Lăng-già nói: “Tất cả pháp chẳng sinh, ta nói nghĩa sát-na, mới sinh tức có diệt, chẳng vì người ngu nói”.

Giải thích: Vì sát-na trôi lăn nên không có tự tánh, không tự tánh tức là vô sinh, nếu không phải Vô sinh thì không trôi lăn, nên khế hợp vô sinh mới thấy sát-na.

Lại Kinh Tịnh Danh chép: “Chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường”. Kinh Lăng-già lại nói: “Bảy thức chẳng trôi lăn, chẳng chịu

khổ vui chẳng phải là nhân Niết-bàn. Như Lai chịu khổ vui, hoặc sinh hoặc diệt đồng thời”. Những kinh này ý nói chân tâm theo dòng mà tạo các pháp nhiễm tịnh, pháp nhiễm tịnh vốn không có tự thể, không có tự thể nên chỉ một chân tâm, cho nên bốn tướng tức một chân tâm. Bất giác tức đồng bản giác, nên nói xưa nay bình đẳng đồng một giác.

QUYỂN TRUNG (Phần Đầu) (HẾT)

